

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 22/11/2019

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bính

2. Ông Ngô Gia Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/ QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1985; có mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn Q (Tức Trần Mạnh Q) – sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Q vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 5 năm 2003 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do hai vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con chung, cả hai anh chị cũng có những biện pháp chữa trị nhưng không có kết quả. Từ việc mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến cả việc mâu thuẫn với anh em gia

đình nhà chồng. Do không thể sống chung với nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q. .

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Q đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H kết hôn hợp pháp năm 2003 tại UBND xã Đ, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng với gia đình anh và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có bầu sau đó lại bị xảy thai nhưng đã dấu anh, gia đình anh có biết việc này nhưng vì hạnh phúc của hai vợ chồng nên gia đình đã dấu chuyện chị H có bầu. Năm 2018 chị H lại tiếp tục có bầu nhưng cũng như lần trước đều không giữ được thai nhi, bản thân anh Q cũng khẳng định cả hai lần chị H mang bầu đều không phải là con của anh. Tháng 8 năm 2019 thì chị H đã nói dối anh và gia đình anh để đưa chị gái của chị H đi Hà Nội khám bệnh nhưng thực chất là chị H bỏ anh để về bên ngoại ở. Nay anh vẫn mong Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, khắc phục những mâu thuẫn, anh không đồng ý ly hôn với chị H. Trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H, còn bản thân anh là người theo đạo thiên chúa nên nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H đã tự thỏa thuận phân chia về vấn đề tài sản chung, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Trần Văn Q
- Án phí: Chị Đỗ Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn Q, anh Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng với gia đình anh Q và anh chị đã chung sống hạnh phúc khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh chị kết hôn và chung sống với nhau đã 15 năm nhưng vợ chồng bệnh tật không có con chung. Cả hai cũng đã cố gắng tìm các biện pháp chữa chạy nhưng không có kết quả. Qua các buổi làm việc hòa giải tại Tòa án, anh chị đều xác định do vợ chồng bệnh tật không có con chung nên và đã cố gắng chữa chạy nhưng không có kết quả. Nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Q, anh Q mặc dù không nhất trí ly hôn, nhưng trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H, còn anh là người đi theo đạo thiện chúa nên không được phép ly hôn. Anh Q muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh lại không có biện pháp nào để khắc phục việc vợ chồng mâu thuẫn. Thực tế thì chị H và anh Q cũng không có khả năng hàn gắn và việc anh Q và chị H đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung của vợ chồng cũng là một lý do cho thấy anh chị không còn muốn có cuộc sống chung với nhau nữa.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại UBND xã K xác định: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn Q có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình là quê của chị H. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại Xóm 7, xã K, huyện K. Từ năm 2003 cho đến nay mặc dù chung sống cùng nhau nhưng anh chị không có con chung, dư luận quần chúng địa phương cho rằng thời gian gần đây vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn phát sinh do chị H mang bầu nhưng dấu anh Q và gia đình anh Q, từ đó dẫn đến việc vợ chồng nghi ngờ và không còn tôn trọng nhau về vấn đề tình cảm, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị H có đơn xin ly

hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan hệ hôn nhân gia đình hạnh phúc hay không dựa trên nền tảng tình cảm vợ chồng và con cái, các thành viên trong gia đình. Việc anh chị có thời gian chung sống với nhau đã lâu nhưng không có con chung đó cũng là thiệt thòi cho cả hai vợ chồng, nhất là người phụ nữ trong gia đình. Việc anh chị không có con chung điều đó chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị H và anh Q không có con chung, anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung. Nay ly hôn chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem, xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn Q (Túc Trần Mạnh Q) được ly hôn

2/ Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003154 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Đồng H, huyện K
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh